TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DSST
Ngày: 09/5/2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu.

2. Bà Bùi Thanh Hà.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Dũng.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2024/TLST-DS, ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 22/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Hồng C**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Định Hoà B, xã DM, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà **Trần Thị Bích L**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực Thới Hòa 1, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm 1979 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu vực Long Thành, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1935 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Long Định, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện uỷ quyền của bà Nh có bà **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu vực Long Thành, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn bà L trình bày: Vào ngày 01/02/2023 bà Dương Thị Hồng C có cho bà Huỳnh Thị Kim N vay số tiền 145.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tiền bằng tay, lãi suất theo thoả thuận giữa 02 bên, mục đích vay là để chăn nuôi và trồng vườn, thời hạn vay 12 tháng đến hết ngày 31/01/2024. Trong thời gian vay tiền của bà C thì bà N chỉ trả được 5 tháng tiền lãi với số tiền 12.500.000 đồng, cụ thể là ngày 30/6/2023 thì bà N không trả lãi mặc dù bà C có đến nhà đòi lãi nhiều lần thì bà N hẹn hết lần này đến lần khác kéo dài thời gian không trả. Khi đến hạn trả gốc cho bà C với số tiền 145.000.000 đồng thì bà N trốn tránh không gặp để trả nợ cho bà C.

Để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Huỳnh Thị Kim N trả số tiền 145.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là 36.975.000 đồng với mức lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 01/7/2023 đến 30/9/2024 (15 tháng). Tổng số tiền bà N phải trả cho bà C là 181.975.000 đồng.

***Bị đơn bà N trình bày*:** Vào năm 2022 bà có nhờ mẹ chồng bà là Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1935. Địa chỉ: Khu vực Long Định, phường LH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vay nhiều lần đến năm 2023 là 145.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, đến ngày 01/02/2023 thì bà Nh có đưa cho bà ký hợp đồng vay tiền ngày 01/02/2023 là hợp đồng mà nguyên đơn cung cấp bên dưới hợp đồng này Bên vay là chữ ký và chữ viết của bà. Trong số tiền 145.000.000 đồng này thì tiền lãi và tiền gốc cộng dồn với nhau lại.

Vào ngày 06/7/2023 (AL) bà có đem số tiền 167.000.000 đồng (trong 167.000.000 đồng này là 145.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi) giao cho bà Nguyễn Thị Nh để trả cho chủ nợ. Đối với người tên Dương Thị Hồng C thì bà không quen biết và cũng chưa từng gặp mặt lần nào.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Hồng C thì bị đơn không thống nhất, vì số tiền này bà đã trả cho bà Nh rồi.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày: Bà Nguyễn Thị Nh không đồng ý với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Kim N vì bà Nguyễn Thị Nh không có yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim N ký vào hợp đồng vay tiền với bà Dương Thị Hồng C, việc vay tiên giữa bà Dương Thị Hồng C và bà Huỳnh Thị Kim N vay tiền với nhau thì bà Nguyễn Thị Nh không biết. Còn về việc bà Huỳnh Thị Kim N khai nói có đưa tiền cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền: 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Nh trả cho bà Dương Thị Hồng C là không có. Toàn bộ sự việc do bà N tự đặt ra không có chứng cứ chứng minh nhờ bà Nguyễn Thị Nh đi mượn tiền dùm, cũng không có chứng cứ chứng minh là đưa tiền cho bà Nguyễn Thị Nh đế bà Nh trả cho nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Nh không thừa nhận là có nhận số tiền 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng) của bà N như lời trình bày của bà N, việc vay tiền giữa bà C và bà N thì bà Nh không biết. Bà Nh không đồng ý trả tiền cho bà C

vì bà Nh không có vay tiền của bà C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Dương Thị Hồng C thì bà Nh nhận thấy như sau: Hợp đồng vay tiền ngày 01/02/2023 giữa bà Dương Thị Hồng C và bà Huỳnh Thị Kim N ghi vay tiền có lãi suất nhưng không có ghi lãi suất là bao nhiêu, việc nguyên đơn tính lãi suất 1,7%/tháng là bà nhận thấy không phù hợp, nếu hai bên không ghi lãi suất là bao nhiêu thì lãi suất được tính theo lãi suất ngân hàng 10%/năm như vậy mới phù hợp. Đối với việc bà Huỳnh Thị Kim N khai lãi suất bà C tính 15%/tháng là mức lãi suất cho vay nặng lãi, từ lời trình bày của bà N mà không có bất cứ giấy tờ gì là không có cơ sở để chứng minh nguyên đơn cho vay nặng lãi. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tính lãi đã vượt quá yêu cầu khởi kiện của mình, vì vậy bà đề nghị Tòa án xem xét tính lãi suất cho phù hợp cho bà Huỳnh Thị Kim N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả 145.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo 20%/năm tính từ ngày 01/02/2023 đến nay, trừ lại 12.500.000 đồng mà trước đây bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn.

Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông S trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Thị Nh, chồng của bà Huỳnh Thị Kim N (hiện nay ông với bà N đã ly hôn với nhau). Sự việc vay tiền giữa bà C với bà N và lãi suất như thế nào thì ông không biết.

Vào ngày 06/7/2023 (AL) ông có chỡ bà Huỳnh Thị Kim N đến nhà bà Nh để trả cho bà Nh số tiền 167.000.000 đồng, ông có chứng kiến việc bà N giao cho bà Nh 167.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng vay"* giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này được Bộ luật dân sự điều chỉnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn có văn bản uỷ quyền cho bà Trần Thị Bích L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh có văn bản uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Kim Y văn bản được công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Nguyên đơn bà Dương Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Huỳnh Thị Kim N trả số tiền 145.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên Toà bị đơn thừa nhận hợp đồng vay tiền ngày 01/02/2023 chữ ký và chữ viết phía dưới người vay tiền là của bà N. Đồng thời, bà N cũng thừa nhận vào năm 2022 bà có nhờ mẹ chồng bà là Nguyễn Thị Nh vay nhiều lần đến năm 2023 là 145.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N cho rằng vào ngày 06/7/2023 (AL) bà N có đem

số tiền 167.000.000 đồng (trong 167.000.000 đồng này có 145.000.000 đồng tiền gốc và 22.000.000 đồng tiền lãi) giao cho bà Nguyễn Thị Nh để trả cho chủ nợ tên Dương Thị Hồng C. Đối với việc bà N giao 167.000.000 đồng này thì bà Nguyễn Thị Nh không thừa nhận có việc nhận tiền từ bà N và bà N cũng không có tài liệu chứng cứ gì cho việc giao số tiền 167.000.000 đồng này cho bà Nh để trả cho bà C.

Mặc khác, tại phiên toà ông S cũng cho rằng việc bà N có vay tiền của bà C bao nhiêu tiền, lãi suất như thế nào thì ông không biết, ông chỉ biết được ông có chở bà N đến nhà bà Nh (bà Nh là mẹ ruột của ông S) và bà N có trả cho bà Nh 167.000.000 đồng. Như vậy, đối với số tiền 167.000.000 đồng mà bà N cho rằng là bà đưa cho bà Nguyễn Thị Nh nhưng bà N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử tách ra xử lý thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Từ những lời thừa nhận trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định việc bà Huỳnh Thị Kim N có vay của bà Dương Thị Hồng C số tiền 145.000.000 đồng là thật. Do đó, cần phải buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 145.000.000 đồng là phù hợp.

Xét về yêu cầu tính lãi suất để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn như sau:

Số tiền gốc 145.000.000 đồng bị đơn vay ngày 01/02/2023 đến nay ngày xét xử sơ thẩm 09/5/2025 là 27 tháng 08 ngày. Mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm là phù hợp, cụ thể:

145.000.000 đồng x 27 tháng 08 ngày x 20%/năm = 65.892.000 đồng (làm tròn) – 12.500.000 đồng số tiền nguyên đơn thừa nhận là có nhận lãi của bị đơn = 53.392.000 đồng.

Cần phải buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 198.392.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 92; 147; 192; 157; 158; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Hồng C.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim N phải trả cho bà Dương Thị Hồng C số tiền 198.392.000 đồng *(Một trăm chín mươi tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng),* trong đó:

- Nợ gốc: 145.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).*

- Nợ lãi: 53.392.000 đồng *(Năm mươi ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng).*

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu số tiền 9.919.600 đồng *(Chín triệu chín trăm mười chín nghìn sáu trăm đồng).*

Nguyên đơn bà Dương Thị Hồng C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002267 ngày 29/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân Q. Ô Môn;*
- *Chi cục THA quận Ô Môn,*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phương Văn Chính